VIETNAM DAILY REVIEW

VN-Index tiếp tục chờ tín hiệu xác nhận xu hướng

Thứ Ba, Ngày 17 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,726.72	1,837.13	248.60	122.50
▼ -10.17 (-0.59%)	▼ -7.12 (-0.39%)	▼ -6.31 (-2.48%)	▲ +0.37 (+0.30%)

GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)	GTKL (TỶ)	SO TB20	NN (TỶ)
9,625	-22.2%	-359.5	5,352	-18.2%	-393.9	576	-17.1%	-13.1	395	-4.0%	-10.4

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,717 – 1,736 và đóng cửa tại mốc 1,726.72 điểm, giảm hơn 10 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 14/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Dầu khí giảm trên 4%, theo sau là ngành Hóa chất, Bảo hiểm... Về giao dịch của khối ngoại, khối này bán ròng trên hai sàn HSX và UPCOM, trong khi mua ròng trên sàn HNX. VN-Index tiếp tục dao động quanh ngưỡng 1,725 điểm, với điểm tích cực là chỉ số duy trì mức đóng cửa trên ngưỡng này trong khoảng một tuần trở lại đây. Tuy nhiên, chỉ số vẫn vận động trong mô hình tam giác cân, chưa phát đi tín hiệu xác nhận xu hướng và khả năng bứt phá theo hai hướng vẫn tương đối cân bằng. Trong bối cảnh đó, nhà đầu tư tiếp tục duy trì tâm lý thận trọng và chờ đợi tín hiệu mua rõ ràng hơn.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 17/11/2026, phần lớn các chứng quyền giảm.

Điểm nhấn

- VN-Index **-10.17** điểm, đóng cửa tại 1,726.72 điểm. HNX-Index **-6.31** điểm, đóng cửa tại 248.60 điểm. UPCoM-Index **+0.37** điểm, đóng cửa tại 122.50 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: MCH (**+0.50**), STB (**+0.32**), POW (**+0.26**), VPL (**+0.20**), KDH (**+0.15**).
- Kéo chỉ số giảm: VCB (**-1.88**), GAS (**-1.31**), BSR (**-1.20**), VHM (**-1.19**), BID (**-1.03**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 9,625 tỷ đồng, tăng 12.42% so với phiên trước và thấp hơn 22.2% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 14,990 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.0 điểm. Sàn HOSE có 110 mã tăng (1 mã trần), 92 mã tham chiếu, 205 mã giảm (4 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-359.52** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm FPT (**-146.89** tỷ), VCB (**-102.43** tỷ), MBB (**-65.14** tỷ), STB (**-38.10** tỷ), TCB (**-37.65** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 1 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-123,924** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-13.09** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-10.42** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
MSN	147.02	FPT	-146.89
POW	53.89	VCB	-102.43
HPG	50.72	MBB	-65.14
KDH	44.31	STB	-38.10
VNM	16.77	TCB	-37.65

HOSE luỹ kế năm: **-123,924** tỷ 1 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	7,417	-1.92%	-1.77%
FTSE100	10,882	-0.19%	+0.92%
Eurostoxx	6,348	-0.60%	+0.92%
Shanghai	3,585	-0.50%	-2.16%
Nikkei	58,860	-1.34%	-2.64%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	92.45	+0.01%	+1.05%
Giá vàng	3,862	+0.16%	-4.22%
USD/VND	25,743	-0.03%	+0.56%
EUR/VND	28,326	+0.03%	-0.89%
JPY/VND	162	+0.29%	+0.45%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	-0.1 bps	-0.2 bps
VN LS LNH 1M	5.78%	+28.3 bps	+33.3 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MCH	131.80	+1.38%	+0.50	0.72
STB	72.00	+1.12%	+0.32	4.88
POW	13.25	+3.11%	+0.26	27.95
VPL	94.50	+0.53%	+0.20	0.48
KDH	15.65	+3.64%	+0.15	12.40

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VCB	52.10	-2.07%	-1.88	7.96
GAS	70.00	-3.71%	-1.31	1.13
BSR	24.25	-4.72%	-1.20	11.13
VHM	61.80	-1.12%	-1.19	2.77
BID	31.00	-2.05%	-1.03	5.25

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
DTK	11.00	+6.80%	+0.30	0.00
SHS	13.20	+1.54%	+0.11	5.98
CEO	12.00	+2.56%	+0.11	7.28
TMB	79.60	+5.71%	+0.04	0.05
IDJ	2.40	+4.35%	+0.02	0.39

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	83.50	-9.92%	-1.87	0.02
NVB	15.00	-3.85%	-0.99	2.02
PVS	27.80	-3.14%	-0.31	3.36
KSV	99.20	-1.78%	-0.31	0.04
NTP	53.20	-2.56%	-0.16	0.29

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
STB	72.00	+1.12%	+1.10	4.88
MCH	131.80	+1.38%	+0.83	0.72
MWG	73.00	+0.27%	+0.38	2.27
HDB	22.40	+0.45%	+0.31	13.83
MSN	71.70	+0.28%	+0.31	5.34

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	48.50	-1.82%	-2.26	10.87
LPB	36.70	-1.21%	-0.91	76.64
BSR	24.25	-4.72%	-0.81	11.13
VCB	52.10	-2.07%	-0.75	7.96
VRE	23.85	-1.65%	-0.63	3.28

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PIT	8.61	+6.96%	0.01
VPG	0.95	+6.74%	0.25
DTA	4.15	+6.68%	0.07
HU1	5.52	+6.56%	0.00
TTF	1.21	+6.14%	0.68

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HAS	8.55	-6.96%	0.01
TSA	9.63	-6.96%	0.01
HIO	9.68	-6.92%	0.03
SMA	8.75	-6.91%	0.00
PNC	20.45	-6.83%	0.00

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
HLC	10.90	+9.00%	0.00
MEL	7.60	+8.57%	0.00
DTK	11.00	+6.80%	0.00
ONE	9.80	+6.52%	0.00
SGH	21.10	+6.03%	0.00

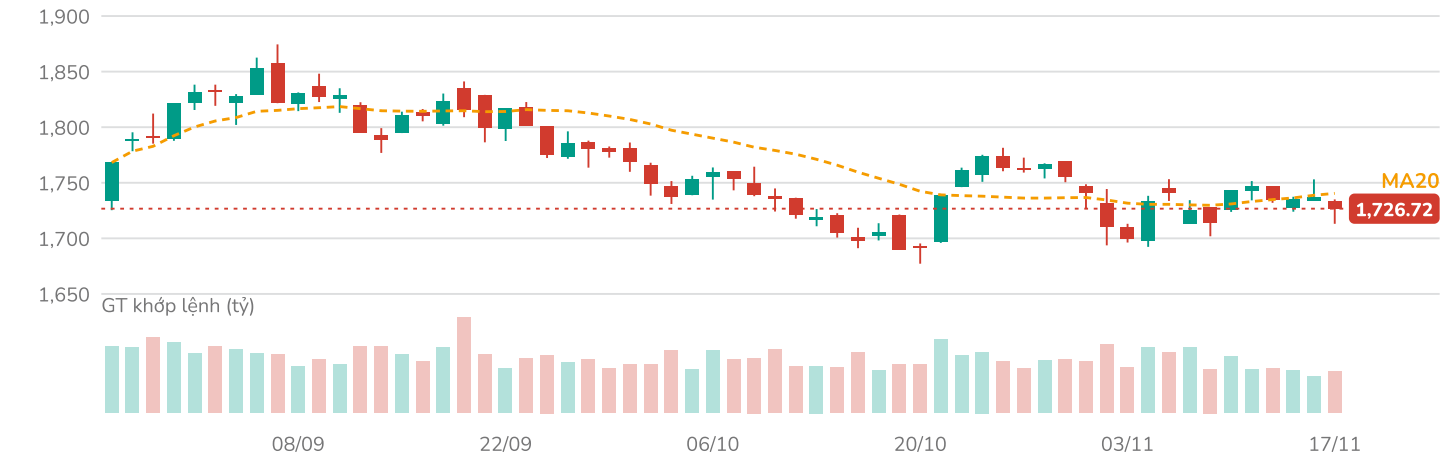
Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
VIT	20.80	-9.96%	0.01
THD	83.50	-9.92%	0.02
V21	4.70	-9.62%	0.00
GIC	9.70	-9.35%	0.01
SMN	5.30	-8.62%	0.01

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

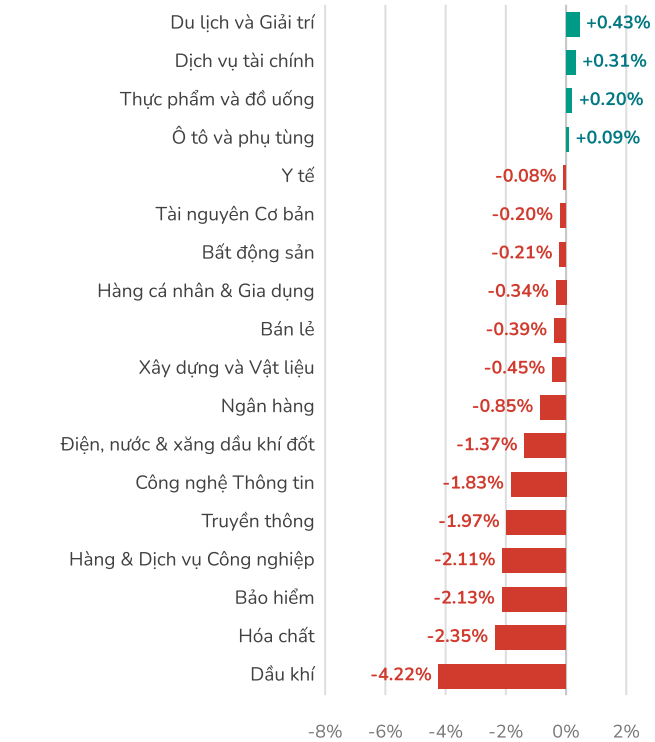
Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên



MA20 = 1,740.49 TB20 GT khớp lệnh: 12,373 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2



Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

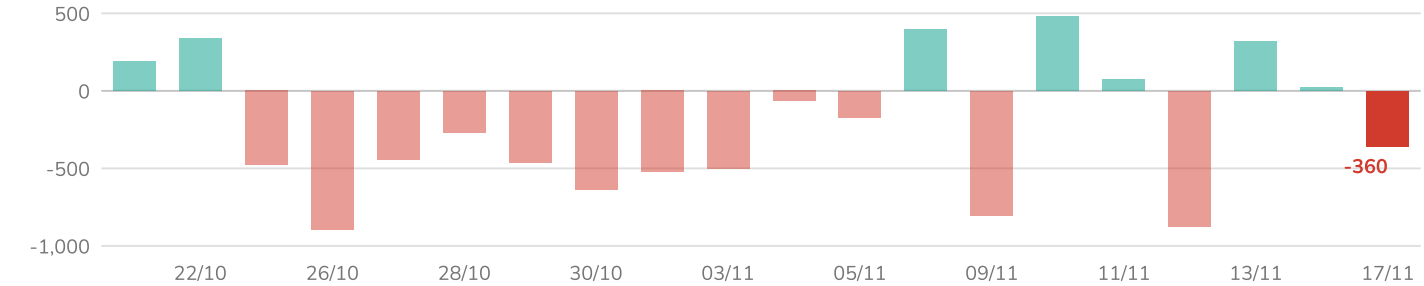
Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Thực phẩm và đồ uống	+0.20%	1,041	133.3
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.37%	741	55.3
Tài nguyên Cơ bản	-0.20%	411	52.1
Bất động sản	-0.21%	1,682	16.5
Hóa chất	-2.35%	183	-10.7
Dịch vụ tài chính	+0.31%	1,485	-15.2
Dầu khí	-4.22%	697	-41.1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.11%	1,181	-59.0
Công nghệ Thông tin	-1.83%	545	-147.4
Ngân hàng	-0.85%	5,833	-330.7

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	-0.39%	8,497	-393.9
VNMID	-0.32%	5,644	49.8
VNSML	-0.47%	666	-3.3

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)



Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

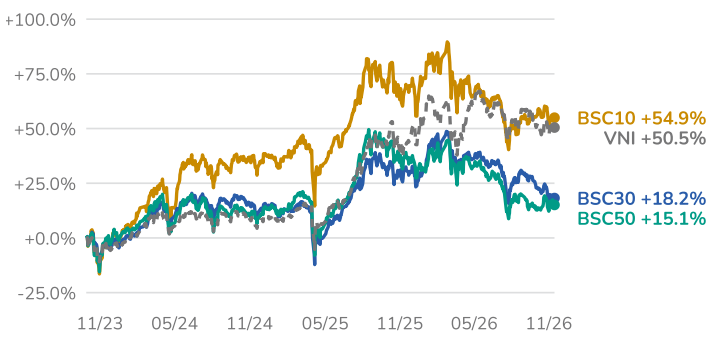
Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.40%**. Các mã diễn biến tích cực: KDH (+3.64%), DBC (+3.35%), STB (+1.12%).
- BSC50 **-0.72%**. Các mã diễn biến tích cực: HDG (+3.66%), POW (+3.11%), PC1 (+2.15%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	-0.40%	-0.72%	-0.59%	-0.39%
1 tuần	-1.91%	-1.87%	-0.94%	-1.28%
1 tháng	-1.71%	-0.89%	+2.05%	-0.45%
3 tháng	-2.21%	-3.62%	-0.31%	-2.08%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ



Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	73.0	+0.27%	1.1	107,726	165.7	7,556	9.7	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.7	-0.37%	1.2	25,145	82.4	1,859	14.4	42.4	6.0%	Link
KDH	Bất động sản	15.7	+3.64%	1.2	19,489	191.0	1,374	11.4	39.9	23.7%	Link
PDR	Bất động sản	11.4	+0.44%	1.3	11,375	48.9	540	21.1	28.2	7.0%	Link
VHM	Bất động sản	61.8	-1.12%	1.4	507,676	171.8	12,039	5.1	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	48.5	-1.82%	0.7	91,458	533.7	5,479	8.8	124.4	25.8%	Link
BSR	Dầu khí	24.2	-4.72%	–	121,427	273.7	5,584	4.3	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	27.8	-3.14%	0.8	17,061	93.6	3,417	8.1	52.3	14.8%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	0.00%	1.1	31,555	190.3	1,055	21.8	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.9	0.00%	1.2	59,560	304.1	1,554	12.8	–	29.8%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	19.4	+0.52%	1.1	22,296	98.0	1,249	15.5	–	14.2%	Link
DCM	Hóa chất	29.9	-2.45%	0.7	15,829	42.4	5,132	5.8	53.3	7.0%	Link
DGC	Hóa chất	32.4	-1.22%	1.1	12,286	10.1	4,883	6.6	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	20.4	-0.49%	0.8	118,120	99.8	2,773	7.3	27.1	22.0%	Link
BID	Ngân hàng	31.0	-2.05%	0.9	241,125	163.7	4,524	6.8	–	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	30.9	-0.80%	1.0	240,387	173.3	5,479	5.7	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	22.4	+0.45%	0.9	145,754	307.9	2,932	7.6	32.7	19.3%	Link
MBB	Ngân hàng	18.9	-0.26%	0.9	190,803	214.3	3,507	5.4	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	+0.62%	0.7	61,214	283.5	1,673	9.8	14.0	5.8%	Link
STB	Ngân hàng	72.0	+1.12%	0.8	135,736	352.3	809	89.0	–	10.0%	Link
TCB	Ngân hàng	21.1	-0.70%	1.1	224,811	245.1	2,694	7.8	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.7	0.00%	1.1	40,355	103.7	2,649	4.8	–	21.8%	Link
VCB	Ngân hàng	52.1	-2.07%	0.9	435,331	420.6	4,986	10.4	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	13.8	-0.36%	0.7	51,362	61.5	2,070	6.6	23.0	4.2%	Link
VPB	Ngân hàng	21.6	-0.46%	1.2	216,000	264.7	3,118	6.9	36.5	22.3%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.9	+3.35%	0.9	7,306	124.0	2,348	7.2	28.8	1.3%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	71.7	+0.28%	1.1	104,709	383.0	6,243	11.5	100.4	25.2%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	53.2	-0.75%	0.5	111,186	141.1	5,455	9.8	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	21.0	-0.24%	1.0	177,302	268.1	3,251	6.5	32.2	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.7	+0.47%	1.1	8,638	19.1	772	13.9	14.3	3.2%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	40.0	-1.96%	1.1	8,934	20.2	4,269	9.4	28.8%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	146.0	-0.68%	0.7	26,107	11.9	7,598	19.2	33.9%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	61.9	-2.52%	0.8	45,950	29.7	4,560	13.6	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	10.2	+1.49%	1.3	8,653	55.6	776	13.2	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	11.2	+1.83%	1.3	14,139	112.1	92	121.7	15.7%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.7	+1.20%	1.4	2,917	26.7	690	18.4	1.3%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.4	-0.58%	1.1	14,360	16.7	4,365	7.9	15.2%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	23.8	-1.86%	1.2	11,545	103.8	1,026	23.2	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	50.1	-0.40%	0.8	12,130	6.9	5,778	8.7	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	19.7	-2.72%	1.1	3,546	19.9	891	22.1	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.2	+1.53%	1.4	13,294	92.9	793	16.7	10.1%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	248.0	0.00%	1.4	1,925,022	409.0	5,557	44.6	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.9	-1.65%	1.2	54,195	78.4	3,255	7.3	11.0%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	17.3	-1.70%	0.9	4,029	3.8	1,687	10.3	35.2%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	138.8	+0.22%	0.8	106,750	167.8	2,866	48.4	5.3%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	31.6	-3.51%	0.6	40,887	88.5	3,022	10.5	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.2	-2.11%	0.7	15,029	336.0	976	16.6	8.0%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.7	-0.53%	1.1	7,123	16.2	1,054	17.7	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.8	0.00%	1.1	15,815	39.7	1,562	10.1	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	20.5	-3.30%	1.6	26,824	309.5	762	26.9	5.6%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.9	-2.63%	0.9	33,701	512.8	4,184	12.4	37.5%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.8	-0.43%	0.9	8,978	7.2	6,594	7.1	3.5%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.8	-5.26%	0.5	10,235	139.7	2,977	6.7	15.4%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	44.4	-2.31%	0.8	8,954	20.3	2,174	20.4	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.4	-0.35%	1.4	7,369	73.3	3,302	4.4	23.7%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.8	-0.67%	0.9	1,741	40.9	1,741	8.5	48.0%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.6	-0.60%	1.1	2,137	13.3	3,692	4.5	22.2%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	19.1	-1.80%	0.7	12,987	36.1	2,320	8.2	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	28.0	-2.78%	1.3	112,000	46.4	2,111	13.3	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	15.9	-1.24%	1.2	29,710	120.0	103	155.4	0.8%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	36.7	-1.21%	0.5	109,633	2,657.4	4,048	9.1	1.5%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	12.6	-2.70%	0.5	27,201	31.9	2,365	5.3	1.1%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.6	0.00%	0.6	32,309	7.9	1,482	7.1	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.9	+0.90%	1.1	4,486	6.9	2,961	5.7	1.7%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	31.3	-0.16%	0.5	12,905	87.0	252	124.4	3.2%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	42.4	-0.47%	0.3	54,381	15.0	3,623	11.7	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	51.4	+1.38%	0.9	10,766	8.4	5,503	9.3	17.5%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.3	+0.41%	1.1	6,056	35.8	494	24.9	5.1%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	128.6	-0.54%	0.5	10,527	2.5	15,292	8.4	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	72.0	+0.28%	1.1	8,051	106.3	7,145	10.1	48.5%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	59.6	-1.65%	0.9	7,635	25.6	5,223	11.4	5.3%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	31.4	-0.32%	1.0	3,718	18.5	3,735	8.4	18.5%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.5	-0.11%	1.0	5,458	24.5	1,241	7.7	10.3%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.6	+2.15%	0.9	7,851	11.8	2,352	7.1	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.9	+0.67%	0.9	10,438	64.0	1,607	9.3	2.1%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	39.1	-2.25%	1.2	17,530	6.1	4,003	9.8	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	70.0	-3.71%	0.9	168,906	79.7	6,110	11.5	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17.0	+3.66%	1.1	6,918	52.6	1,999	8.5	15.7%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.2	+3.11%	1.0	40,649	364.1	2,353	5.6	4.7%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	48.5	-0.10%	0.4	30,235	160.4	4,420	11.0	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn